TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HC-PT
Ngày: 23/01/2024
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp.**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tiến.**
ông **Nguyễn Văn Tào.**

***- Thư ký phiên tòa*:** bà **Đoàn Thị Thu Hiền**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh) xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 291/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 615/2023/QĐPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. **Người khởi kiện:*** Ông Hồ Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND thành phố Q.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn L – Phó Chủ tịch UBND thành phố Q. Theo văn bản ủy quyền số 1402/QĐ-UBND ngày 29/3/2023.

Địa chỉ: D H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn T1 – Phó Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Q. Địa chỉ: D N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh C - Chủ tịch UBND huyện S.

Địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ủy ban nhân dân xã T.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn T2 – Phó Chủ tịch UBND xã T. Theo Văn bản uỷ quyền lập ngày 16/8/2023.

Địa chỉ: Xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà người khởi kiện là ông*** Hồ Văn T ***trình bày:***

Năm 1996, ông được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) số E 0188732 đối với 06 thửa đất ông không nhớ chính xác vào thời điểm nào nhận GCNQSD đất. Khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông cũng không để ý và không phát hiện ra việc UBND huyện S cấp thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, có diện tích 1.772m^2 thì trên GCNQSD đất ghi toàn bộ là đất Màu, không có 500m^2 đất ở như đơn xin đăng ký QSD đất ghi ngày 08/11/1995 của ông gửi UBND xã T và đã được Hội đồng đăng ký, xét cấp GCNQSD đất xã T Tây đồng ý xét duyệt.

Đến năm 2019, ông mới phát hiện ra và có đơn nộp tại bộ phận tiếp nhận và giao trả hồ sơ thuộc UBND thành phố Q để đề nghị cấp đổi lại GCNQSD đất, tuy nhiên sau đó Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q có thông báo trả lại hồ sơ cho ông. Năm 2019, ông có đơn xin xác nhận loại đất gửi UBND xã T để xin xác nhận trong tổng diện tích 1.772m^2 có 500m^2 đất ở, đơn được UBND xã T xác nhận là đúng. Đồng thời tại báo cáo số 637/BC-TNMT ngày 04/11/2021 của Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Q xác định việc cấp GCNQSD đất ghi mục đích sử dụng đất của thửa số 257, tờ bản đồ số 6, bản đồ đo vẽ năm 1996 là "M", là không đúng mục đích sử dụng đất thực tế; không đúng theo hồ sơ địa chính (bản đồ đo vẽ năm 1996 thể hiện loại đất T, sổ địa chính và sổ mục kê lập năm 1996 đều ghi nhận có 500m^2 đất T) và nội dung đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 08/11/1995 của ông đã được Hội đồng đăng ký, xét cấp GCNQSD đất xã T kiểm tra, kết luận thống nhất. Trường hợp này, giấy chứng nhận phải bị thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 28/12/2021, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q có công văn số 5538/UBND-NC về việc trả lời đơn ông Hồ Văn T. UBND thành phố Q xác

định UBND huyện S cấp GCNQSD đất cho ông Hồ Văn T đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, diện tích 1.772m^2, với mục đích sử dụng đất: M, là phù hợp với nguồn gốc thửa đất "đất cấp theo Nghị định 64/CP", phù hợp chính sách đất đai tại thời điểm cấp GCNQSD đất và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

UBND thành phố Q cho rằng: Việc thể hiện trong đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận ngày 08/11/1995 của ông Hồ Văn T, tại cột nguồn gốc sử dụng đất ghi: Trong đó đất HTX cấp 500m^2 thổ cư... và trong sổ mục kê đất lập ngày 18/5/1996, UBND xã T được Sở địa chính tỉnh xác nhận ngày 06/6/1996 "Tại quyển số 1, trang 155, thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.772m^2, (loại đất **M** 1.272m^2, loại đất **T** 500m^2) ghi tên chủ sử dụng là ông Hồ Văn T" không chứng minh, khẳng định cấp có thẩm quyền đã công nhận cho ông Hồ Văn T có 500m^2 đất ở trong thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.772m^2, vì: Việc ông Hồ Văn T ghi trong đơn xin đăng ký tại cột "nguồn gốc đất" là do cá nhân ông T ghi, không có chứng cứ, tài liệu nào thể hiện cấp có thẩm quyền đồng ý hay thống nhất việc kê khai của ông T và sổ mục kê ngày 18/5/1996 không phải là một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và qua kiểm tra, rà soát hồ sơ cũng không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cấp có thẩm quyền cấp hay giao cho ông Hồ Văn T 500m^2 đất ở trong thửa đất số 257, diện tích 1.772m^2, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q nên đã ban hành Công văn số 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 của UBND thành phố Q làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân ông, bởi vì:

Thứ nhất: Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 08/11/1995 gửi cho UBND xã T, đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, có diện tích 1.772m^2 ông đề nghị được cấp 500m^2 đất ở, được Hội đồng đăng ký, xét cấp GCNQSD đất xã T Tây đồng ý xét duyệt (đây là tổ chức có thẩm quyền xét cấp đất tại thời điểm này), đây là cơ sở để UBND huyện S cấp GCNQSD đất số E 0188732; tuy nhiên do sai sót trong việc cấp giấy nên UBND huyện S cấp toàn bộ 1.772m^2 là loại đất M (đất sản xuất nông nghiệp), do đó trong trường hợp này UBND thành phố Q phải thu hồi GCNQSD đất số E 0188732 (vì cấp bị sai mục đích sử dụng đất) và cấp lại GCNQSD đất khác cho ông đúng theo mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Thứ hai: Diện tích 500m^2 đất ở trong tổng diện tích đất 1.772m^2 tuy không được thể hiện trên GCNQSD đất số E 0188732 nhưng đã được thể hiện trong sổ địa chính của UBND xã T, huyện S lập ngày 18/5/1996, đây là cơ sở pháp lý công nhận quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 (ngoài ra còn được xác nhận của UBND xã T tại công văn số 236/UBND ngày 01/11/2021 và báo cáo của Phòng Tài nguyên môi trường thành phố Q tại báo cáo số 637/BC-TNMT ngày 04/11/2021), do đó việc UBND thành phố Q cho rằng sổ mục kê ngày 18/5/1996 không phải là một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 là không đúng. Điều 100 Luật Đất đai là quy định những loại giấy tờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những trường hợp người đang sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp của ông là đã

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị cấp sai mục đích sử dụng đất, do đó cần phải căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0188732 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác cho ông đúng theo mục đích sử dụng đất.

Do đó, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên hủy Công văn số 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 của UBND thành phố Q và yêu cầu UBND thành phố Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 0188732 để cấp lại giấy CNQSD đất mới cho ông đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.772m^2, trong đó cấp 500m^2 đất ở và 1.272m^2 đất loại đất M (đất sản xuất nông nghiệp).

Tại Văn bản số 1181/UBND-NC ngày 10/4/2023, người bị kiện UBND thành phố Q ***trình bày:***

Diễn biến việc kiến nghị thu hồi GCNQSD đất

- Ngày 11/11/1996, ông Hồ Văn T được UBND huyện S cấp GCNQSD đất, số phát hành E 0188732, số vào sổ 00713 QSDĐ/413/QĐ-UB với tổng diện tích được cấp 3.640m^2, gồm 06 thửa đất: Thửa đất số 505, diện tích 475m^2 *(loại đất 3L);* thửa đất số 329, diện tích 556m^2 *(loại đất M);* thửa đất số 332, diện tích 192m^2 *(loại đất 3L);* thửa đất số 259, diện tích 345m^2 *(loại đất M);* thửa đất số 151, diện tích 300m^2 *(loại đất M)* và thửa đất số 257, diện tích 1.772m^2 *(loại đất M)*, cùng tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, thời hạn sử dụng: tháng 10/2016; đất cấp theo Nghị định 64/CP.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q tiếp nhận hồ sơ của ông Hồ Văn T, với nội dung xin cấp đổi GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: M, được UBND huyện S cấp ngày 11/11/1996. Qua kiểm tra đối chiếu các bản đồ và hiện trạng sử dụng thửa đất số 257, tờ số 06, bản đồ năm 1996, loại đất BHK (nay thuộc thửa 478, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 2016, diện tích 1.999m^2) đã xây dựng nhà ở với diện tích 97m^2 thì ngày 17/5/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q trả hồ sơ xin cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: M, được UBND huyện S cấp vào ngày 11/11/1996 cho ông Hồ Văn T.

- Ngày 02/4/2021, ông Hồ Văn T có đơn kiến nghị UBND thành phố Q về việc xem xét cấp GCN QSDĐ đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng đất: M, được UBND huyện S cấp vào ngày 11/11/1996, với nội dung cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận không đúng loại đất. Nội dung đơn kiến nghị của ông Hồ Văn T, được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q kiểm tra, rà soát và có Báo cáo số 637/BC-TNMT ngày 04/11/2021 đề nghị UBND thành phố Q giao Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra thành phố Q thẩm tra theo quy định tại khoản 3, Điều 106, Luật Đất đai 2013.

Kết quả thẩm tra: Về hồ sơ địa chính liên quan đến thửa đất 257

- Bản đồ đo vẽ lập năm 1983 *(bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg)* thuộc một phần thửa đất số 817, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.500m^2, loại đất ĐM; theo bản đồ năm 1996 thuộc thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.772m^2, loại đất T; theo bản đồ năm 2016 thuộc thửa đất 478, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.999m^2, mục đích sử dụng đất ONT+BHK.

- Theo sổ mục kê *(mẫu 5a),* quyển số 01, trang số 76 lập theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ thì thửa đất số 817, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.500m^2, loại đất ĐM ghi Hợp tác xã N là chủ sử dụng.

- Theo sổ đăng ký ruộng đất *(mẫu 5b)* lập theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ không có ai đứng tên kê khai đăng ký.

- Sổ Mục kê đất lập ngày 18/5/1996 được Sở Địa chính tỉnh xác nhận ngày 06/6/1996: Tại quyển số 1, trang 155, thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.772m^2, *(loại đất M 1.272m^2, loại đất T 500m^2)* ghi tên chủ sử dụng là ông Hồ Văn T.

- Sổ Địa chính lập ngày 18/5/1996 được Sở Địa chính tỉnh xác nhận ngày 18/6/1996: Tại quyển số 06, trang số 14 thể hiện ngày vào sổ tháng 02/1996, tờ bản đồ số 06, thửa đất số 257, địa danh thổ canh, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng là đất M, thời hạn sử dụng 20 năm, tên chủ sử dụng Hồ Văn T.

Việc cấp GCNQSD đất cho ông Hồ Văn T đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, bản đồ đo vẽ năm 1996, xã T.

- Ngày 08/11/1995, ông Hồ Văn T có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất gửi UBND xã T, kê khai, đăng ký các thửa đất có nguồn gốc đất do UBND xã cấp, gồm các thửa: 505, 329, 332, **257**, 259, tờ bản đồ số 6, trong đó: kê khai thửa 257 *(diện tích 1772m^2, loại đất M)* có "…500 thổ cư". Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông T được Hội đồng đăng ký, xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ xã có ý kiến: *"Đồng ý cấp thêm số diện tích: Số tờ 6, thửa 151, diện tích 300m^2 màu của* Lê Xuân H*"*.

- Ngày 11/11/1996, ông Hồ Văn T được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ, số phát hành E 0188732, số vào sổ 00713 QSDĐ/413/QĐ-UB, gồm 06 thửa đất, trong đó có thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: M, thời hạn sử dụng: tháng 10/2016; đất cấp theo Nghị định 64/CP.

Nhận định vụ việc: Thửa đất số 257, diện tích 1.772m^2, loại đất M, tờ bản đồ số 06, bản đồ đo vẽ năm 1996, xã T *(mà* UBND huyện S *cấp Giấy CNQSD đất cho ông* Hồ Văn T *vào ngày 11/11/1996)* có nguồn gốc là đất *"Uỷ ban xã cấp"* cho vợ chồng ông Hồ Văn T quản lý, sử dụng. Theo bản đồ đo vẽ lập năm 1983 *(bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg)* thuộc một phần thửa đất số 817, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.500m^2, loại đất ĐM. Theo mẫu sổ 5a, quyển số 01, trang số 76 lập theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ thì thửa đất số 817, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.500m^2, loại đất ĐM ghi Hợp tác xã N là chủ sử dụng. Theo sổ đăng ký ruộng đất

(mẫu 5b) lập theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ không có ai đứng tên kê khai đăng ký.

Ngày 08/11/1995, ông Hồ Văn T có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất gửi UBND xã T, kê khai, đăng ký các thửa đất có nguồn gốc đất do UBND xã cấp, gồm các thửa: 505, 329, 332, 257, 259, tờ bản đồ số 6, trong đó: kê khai thửa 257 *(diện tích 1772m^2, loại đất M)* có *"...500 thổ cư"*. Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông T được Hội đồng đăng ký, xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ xã có ý kiến: *"Đồng ý cấp thêm số diện tích: Số tờ 6, thửa 151, diện tích 300m^2 màu của* Lê Xuân H*"*. Ngày 11/11/1996, UBND huyện S cấp GCNQSDĐ, số phát hành E 0188732, số vào sổ cấp giấy 00713 QSDĐ/413/QĐ-UB cho ông Hồ Văn T, gồm 06 thửa đất, trong đó có thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: M, thời hạn sử dụng: tháng 10/2016; đất cấp theo Nghị định 64/CP.

Như vậy, UBND huyện S cấp GCNQSDĐ cho ông Hồ Văn T đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, diện tích 1.772m^2, với mục đích sử dụng đất: M *(đất sản xuất nông nghiệp)* là phù hợp với nguồn gốc thửa đất *"đất cấp theo Nghị định 64/CP"*, phù hợp với hồ sơ do Hợp tác xã N đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Việc thể hiện trong đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận ngày 08/11/1995 của ông Hồ Văn T, tại cột nguồn gốc sử dụng đất ghi *"trong đó đất HTX cấp 500 thổ cư..."* và trong sổ mục kê đất lập ngày 18/5/1996 UBND xã T được Sở Địa chính tỉnh xác nhận ngày 06/6/1996 *"Tại quyển số 1, trang 155, thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.772m^2, (loại đất M: 1.272m^2, loại đất T: 500m^2) ghi tên chủ sử dụng là ông* Hồ Văn T*"* không chứng minh, khẳng định cấp có thẩm quyền đã công nhận cho ông Hồ Văn T có 500m^2 đất ở trong thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.772m^2, vì: Việc ông Hồ Văn T ghi trong đơn xin đăng ký tại cột *"nguồn gốc đất"* là do cá nhân ông T ghi, không có chứng cứ, tài liệu nào thể hiện cấp có thẩm quyền đồng ý hay thống nhất việc kê khai của ông T và Sổ mục kê đất lập ngày 18/5/1996 không phải là một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và qua kiểm tra, rà soát hồ sơ cũng không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cấp có thẩm quyền cấp hay giao cho ông Hồ Văn T 500m^2 đất ở trong thửa đất số 257, diện tích 1.772m^2, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q.

Ý kiến đối với nội dung của người khởi kiện: Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Công văn 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Văn T, khẳng định: UBND huyện S cấp GCNQSD đất cho ông Hồ Văn T vào ngày 11/11/1996, số phát hành E 0188732, số vào sổ 00713 QSDĐ/413/QĐ-UB đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: **M**, thời hạn sử dụng: 10/2016; đất cấp theo Nghị định 64/CP, là phù hợp với nguồn gốc thửa đất *"đất cấp theo Nghị định 64/CP"* và đảm bảo theo quy định của pháp luật đất đai. Do đó, ông

Hồ Văn T yêu cầu hủy Công văn 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Văn T và buộc UBND thành phố Q thu hồi GCNQSD đất số phát hành E 0188732, số vào sổ 00713 QSDĐ/413/QĐ-UB do Chủ tịch UBND huyện S cấp ngày 11/11/1996 cho ông Hồ Văn T tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, xã T và cấp lại GCNQSD đất cho ông Hồ Văn T tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, xã T là không có căn cứ.

**** Tại Văn bản số 125/UBND ngày 10/5/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*** UBND xã T ***trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất số: 257, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 1772m^2.

- Hồ sơ 299/TTg (Năm 1985): Thuộc thửa đất số: 817, tờ bản đồ số: 9, diện tích: 4500m^2, loại đất: ĐM, do Hợp tác xã N là chủ sử dụng (Thể hiện tại Sổ Mục kê ruộng đất quyển số: 01, trang số: 76).

- Hồ sơ 64/CP (Năm 1996): Thuộc thửa đất số: 257, tờ bản đồ số: 6, diện tích: 1772m^2, trong đó: 1272m^2 đất Màu và 500m^2 đất "T" do ông Hồ Văn T đứng tên tại sổ Mục kê quyển số: 01, trang số: 155.

- Việc ông Hồ Văn T được Hợp tác xã N cho đất thì UBND xã không có hồ sơ lưu giữ.

- UBND xã xác định thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, xã T có diện tích 500m^2 đất ở là thực hiện Công văn số 1584/UBND-TCD ngày 24/04/2021 của UBND thành phố Q về việc xử lý đơn của ông Hồ Văn T. UBND xã đã tổ chức xác minh. Ngày 27/10/2021, UBND xã tổ chức buổi họp để xác nhận nguồn gốc đất của ông Hồ Văn T, thành phần gồm có: Thường trực Đảng ủy xã, Thường trực HĐND xã, lãnh đạo UBND xã, lãnh đạo UBMT và các Hội Đoàn thể xã, Bí thi chi bộ thôn Đ, mời cán bộ địa chính xã, mời Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã N tại thời điểm ông Hồ Văn T xin đất. Qua buổi làm việc, các thành phần tham dự đều xác định ông Hồ Văn T được Hợp tác xã N cho đất vào năm 1987 và đến năm 1989 ông Hồ Văn T xây dựng nhà ở trên thửa đất trên và sổ Mục kê quyển số: 01, trang số: 155 tại phần chia ra các loại đất có ghi 500m^2 đất T; sổ địa chính quyển số 6, trang số 14, cột 12 phần ghi thêm có ghi 500m^2 thổ cư.

- Sau khi ông T được cấp giấy CNQSD đất đối với thử đất 257 thì ông có xây dựng nhà trên đất tại thời điểm xây dựng nhà của ông T, UBND xã có lập biên bản hay không hiện tại UBND xã không còn hồ sơ hay biên bản lưu việc này.

- Hiện nay ông Hồ Văn T khởi kiện yêu cầu UBND thành phố Q thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành: E 0188732, số vào sổ: 00713QSDĐ/413/QĐ-UB do UBND huyện S cấp ngày: 11/11/1996 đối với thửa đất số: 257, tờ bản đồ số: 6 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tại thửa đất số: 257, tờ bản đồ số: 6, trong đó có diện tích đất ở 500m^2 thì UBND xã T không có quan điểm gì, mà chỉ chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 615/UBND-NC ngày 19/4/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện S ***trình bày:***

Liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành: E 0188732, số vào sổ: 00713QSDĐ/413/QĐ-UB do UBND huyện S cấp ngày 11/11/1996 đối với thửa đất số: 257, tờ bản đồ số 6, xã T đối với ông Hồ Văn T, hiện nay UBND huyện S không còn lưu giữ tài liệu gì liên quan; do đó, đối với việc kiện của ông Hồ Văn T, UBND huyện không có ý kiến gì.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Điều 23, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T về:

- Hủy Công văn số 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 0188732, số vào sổ 00713 QSDĐ/413 QĐ/UB do Chủ tịch UBND huyện S cấp ngày 11/11/1996 cho ông Hồ Văn T tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, xã T và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn T tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, xã T Tây theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023, người khởi khởi kiện có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Hồ Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Hồ Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Hồ Văn T đúng thủ tục và trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa lần thứ hai, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì các đương sự đều đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 07/11/2022, 12/01/2023, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung (không ghi ngày tháng năm) của ông Hồ Văn T; ngày 15/02/2023, ngày 06/3/2023, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận đơn khởi kiện bổ sung của ông Hồ Văn T ghi ngày 15/02/2023 và 06/3/2023; ông Hồ Văn T yêu cầu Tòa án: Hủy Công văn số 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Văn T. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 0188732, số vào sổ 00713 QSDĐ/413 QĐ/UB do Chủ tịch UBND huyện S cấp ngày 11/11/1996 cho ông Hồ Văn T tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, xã T và cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Hồ Văn T tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, xã T Tây theo đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, quyết định hành chính, hành vi hành chính nêu trên là hoạt động trong lĩnh vực quản lý đất đai, người khởi kiện có quyền khởi kiện theo Điều 115 Luật Tố tụng hành chính; thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo:

[3.1] Xét yêu cầu huỷ Công văn số 5538/UBND-NC 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q:

[3.1.1] Xét trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Ngày 28/4/2021, UBND thành phố Q nhận đơn kiến nghị "về việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở" của ông Hồ Văn T đề ngày 12/4/2021; trên cơ sở đơn của ông Hồ Văn T, UBND thành phố Q ban hành Công văn số 1584/UBND-TCD ngày 29/4/2021 về việc xử lý và giao cho Phòng T kiểm tra, tham mưu và Công văn số 4891/UBND-NC ngày 15/11/2021 giao cho Cơ quan UBKT-Thanh tra thành phố Q xem xét, đề xuất cho UBND thành phố Q xử lý đơn của ông Hồ Văn T và GCNQSD đất đã cấp cho ông Hồ Văn T tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, bản đồ đo vẽ năm 1996.

Sau khi tiến hành xác minh, trên cơ sở báo cáo của Cơ quan UBKT-Thanh tra thành phố Q vào ngày 20/12/2021 tại báo cáo số 177/BC-UBKT-TT. Ngày 28/12/2021, UBND thành phố Q ban hành Công văn số 5538/UBND-NC trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Văn T.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, UBND thành phố Q tiếp nhận đơn của ông Hồ Văn T và ban hành Văn bản số 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 11 Điều 3, Điều 23, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai.

[3.1.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Công văn số 5538/UBND-NC:

Theo bản đồ đo vẽ lập năm 1983 (bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg) thửa đất ông T khởi kiện thuộc một phần thửa đất số 817, tờ bản đồ số 9, diện tích 4.500m^2, loại đất ĐM (bút lục 179); theo bản đồ lập năm 1996 thuộc thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.772m^2 (bút lục 176, 182-183); theo bản đồ năm 2016 thuộc thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.999m^2 mục đích sử dụng đất ONT+BHK (bút lục 172).

Theo Sổ mục kê ruộng đất mẫu 5a, quyển số 1, trang số 76 lập năm 1986 theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ thì thửa đất số 817, tờ bản đồ số 9, diện tích 4.500m^2, loại đất ĐM, ghi Hợp tác xã N là chủ sử dụng (bút lục 191-192).

Theo Sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5b lập theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ không có ai đứng tên kê khai đăng ký.

Sổ mục kê đất lập ngày 18/5/1996 được Sở Địa chính tỉnh xác nhận ngày 06/6/1996, tại quyển số 1, trang 155, thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.772m^2 (loại đất M là 1.272m^2, loại đất T là 500m^2), ghi tên chủ sử dụng là ông Hồ Văn T.

Sổ Địa chính lập ngày 18/5/1996 được Sở Địa chính tỉnh xác nhận ngày 18/6/1996, tại quyển số 6, trang 14, thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.772m^2 (loại đất M), tên chủ sử dụng là ông Hồ Văn T (bút lục 253-254).

Ngày 08/11/1995, ông Hồ Văn T có Đơn đăng ký quyền sử dụng đất gửi UBND xã T kê khai đăng ký đối với các thửa đất có nguồn gốc do UBND xã cấp, trong đó có thửa đất 257, tờ bản đồ số 6 (bút lục 196). Ngày 11/11/1996, ông Hồ Văn T được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) số phát hành E 0188732, số vào sổ cấp giấy 00713 QSDĐ/413/QĐ-UB gồm 6 thửa đất, với tổng diện tích được cấp 3.640 m^2: Thửa đất số 505, diện tích 475m^2 (loại đất 3L); thửa đất số 329, diện tích 556m^2 (loại đất M); thửa đất số 332, diện tích 192m^2 (loại đất 3L); thửa đất số 259, diện tích 345m^2 (loại đất M); thửa đất số 151, diện tích 300m^2 (loại đất M) và thửa đất số 257, diện tích 1.772m^2 (loại đất M), cùng tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, thời hạn sử dụng: tháng 10/2016; đất cấp theo Nghị định 64/CP (bút lục 193).

Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện S cấp vào ngày 11/11/1996. Ngày 17/10/2018, ông Hồ Văn T có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSD đất đối với các thửa đất nêu trên. Ngày 20/12/2018, ông Hồ Văn T được Sở T3 tỉnh cấp đổi lại 05 thửa: 151, 259, 332, 329, 505 (trừ thửa đất số 257, diện tích 1.772m^2, loại đất M chưa được cấp đổi) và ngày 16/01/2019, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trang 04 trên GCN, số phát hành E 0188732, số vào sổ cấp giấy 00713 QSDĐ/413/QĐ-UB với nội dung: *"Thu hồi thửa đất số 151, 259, 332, 329, 505, tờ bản đồ số 06 vì đã cấp đổi, cấp lại GCN-QSD đất khác"* (bút lục 163).

Ngày 29/3/2019, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố tiếp nhận hồ sơ của ông Hồ Văn T, với nội dung xin cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: M, được UBND huyện S cấp ngày 11/11/1996. Qua kiểm tra đối chiếu các bản đồ và hiện trạng sử dụng thửa đất số 257, tờ số 06, bản đồ năm 1996, loại đất BHK (nay thuộc thửa 478, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 2016, diện tích 1.999 m^2) đã xây dựng nhà ở với diện tích 97m^2 nên ngày 17/5/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q trả hồ sơ xin cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: M, được UBND huyện S cấp vào ngày 11/11/1996 cho ông Hồ Văn T. Không đồng ý với việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q trả hồ sơ xin cấp đổi nên ngày 12/4/2021 ông Hồ Văn T có đơn kiến nghị và gửi UBND thành phố Q về việc xem xét cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng đất: M, được UBND huyện S cấp vào ngày 11/11/1996, với lý do cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận nêu trên không đúng loại đất.

Theo hồ sơ địa chính và các tài liệu liên quan thì thửa đất số 257, diện tích 1.772m^2, loại đất M, tờ bản đồ số 06, bản đồ đo vẽ năm 1996, xã T (UBND huyện S cấp GCNQSD đất cho ông Hồ Văn T vào ngày 11/11/1996) có nguồn gốc là đất "Uỷ ban xã cấp" cho ông Hồ Văn T quản lý, sử dụng. Theo bản đồ đo vẽ lập năm

1983 (bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg) thuộc một phần thửa đất số 817, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.500m^2, loại đất ĐM. Theo sổ mục kê ruộng đất (mẫu 5a), quyển số 01, trang số 76 lập theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ thì thửa đất số 817, bản đồ số 09, diện tích 4.500m^2, loại đất ĐM ghi Hợp tác xã N là chủ sử dụng. Theo sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) lập theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ không có ai đứng tên kê khai đăng ký.

Như vậy Thửa đất số 257 trên cấp cho ông Hồ Văn T có nguồn gốc là đất nông nghiệp.

Ngày 08/11/1995, ông Hồ Văn T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất gửi UBND xã T, kê khai, đăng ký nhiều thửa đất có nguồn gốc đất do UBND xã cấp, trong đó: Kê khai thửa 257 (diện tích 1772m^2, loại đất M) có "...500 thổ cư". Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông T được Hội đồng đăng ký, xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ xã có ý kiến: "Đồng ý cấp thêm số diện tích: Số tờ 6, thửa 151, diện tích 300m^2 màu của Lê Xuân H". Ngày 11/11/1996, UBND huyện S cấp GCNQSD đất, số phát hành E 0188732, số vào sổ cấp giấy 00713 QSDĐ/413/QĐ-UB cho ông Hồ Văn T, gồm 06 thửa đất, trong đó có thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: M, thời hạn sử dụng: tháng 10/2016; đất cấp theo Nghị định 64/CP là đủ định suất giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP. Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 26/11/2021 với Cơ quan Uỷ ban Kiểm tra – Thanh tra thành phố Q ông trình bày, ông là xã viên Hợp tác xã N, tại thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP gia đình ông có 05 nhân khẩu, được giao 07 thửa đất nông nghiệp

Như vậy, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như trình bày của ông T thì năm 1996, hộ gia đình ông T được giao nhiều thửa đất trong đó có thửa 257 tờ bản đồ số 6 theo nghị định 64 ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Theo nghị định này thì các hộ gia đình cá nhân được nhà nước giao đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp mà không phải được cấp đất ở.

Do đó , ngày 11/11/1996, UBND huyện S cấp GCNQSD đất cho ông Hồ Văn T đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, diện tích 1.772m^2, với mục đích sử dụng đất: M (đất sản xuất nông nghiệp) là phù hợp với nguồn gốc thửa đất "đất cấp theo Nghị định 64/CP", phù hợp chính sách đất đai tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngươi khởi kiện ông Hồ Văn T cho rằng căn cứ vào đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận ngày 08/11/1995 của ông, tại cột nguồn gốc sử dụng đất ghi "trong đó đất HTX cấp 500 thổ cư..." và sổ mục kê đất lập ngày 18/5/1996 UBND xã T được Sở Địa chính tỉnh xác nhận ngày 06/6/1996 "Tại quyển số 1, trang 155, thửa đất 257, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.772m^2", (loại đất M 1.272m^2, loại đất T 500m^2) ghi tên chủ sử dụng là ông Hồ Văn T" để xác định thửa đất 257, tờ bản đồ số 6 có 500m^2 đất ở là chưa có cơ sở, bởi lẽ đây không phải là một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác ông T cũng không có

tài liệu, chứng cứ chứng minh vào năm 1995, cơ quan có thẩm quyền cấp cho ông diện tích đất tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, trong đó có 500m^2 đất ở.

Như vậy, UBND thành phố Q ban hành Văn bản số 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 không đồng ý với yêu cầu của ông Hồ Văn T về việc huỷ bỏ GCNQSD đất UBND huyện S đã cấp cho ông Hồ Văn T vào ngày 11/11/1996 để cấp lại GCNQSD đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, xã T là đúng quy định của pháp luật. Nên việc ông Hồ Văn T yêu cầu huỷ Văn bản số 5538/UBND-NC ngày 28/12/2021 của UBND thành phố Q về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Hồ Văn T là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 0188732, số vào sổ 00713 QSDĐ/413 QĐ/UB do Chủ tịch UBND huyện S cấp ngày 11/11/1996 cho ông Hồ Văn T tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, xã T và cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Hồ Văn T tại thửa đất 257, tờ bản đồ số 6, xã T Tây theo đúng quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trên cơ sở các nhận định nêu trên thì việc UBND huyện S cấp GCNQSDĐ cho ông Hồ Văn T vào ngày 11/11/1996, số phát hành E 0188732, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00713 QSDĐ/413/QĐ- UB đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 06, đo vẽ năm 1996, xã T, diện tích 1.772m^2, mục đích sử dụng: M, thời hạn sử dụng: 10/2016; đất cấp theo Nghị định 64/CP, phù hợp với nguồn gốc thửa đất *"đất cấp theo Nghị định 64/CP"* là đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên ông T yêu cầu buộc UBND thành phố Q thu hồi GCNQSD đất nêu trên và cấp lại theo loại đất ở cho ông là cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Toà án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay xét thấy không có thêm các tài liệu chứng cứ gì mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Hồ Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Hồ Văn T, giữ nguyênquyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2023/HC-ST ngày 22tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Hồ Văn T được miễn án phí.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp